CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Bao bì Biên Hòa

Ngày 31/03/2025	57,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.3%	**-5.0%**	**-**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	55,700 - 71,560
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	731
Số lượng CPLH (CP)	12,832,437
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40
Sở hữu nước ngoài	94.9%
Beta	
EPS	5,435
P/E	10.5

DT thuần
Q1/25
355
tỷ VNĐ
QoQ: ▼66.0| -15.6%
YoY: ▼2.00| -0.4%

LN thuần
Q1/25
18.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.5| -51.1%
YoY: ▼6.20| -24.9%

LN sau thuế
Q1/25
14.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.0| -46.9%
YoY: ▼6.20| -29.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
5.7%
YoY: +/-▼ 3.4%

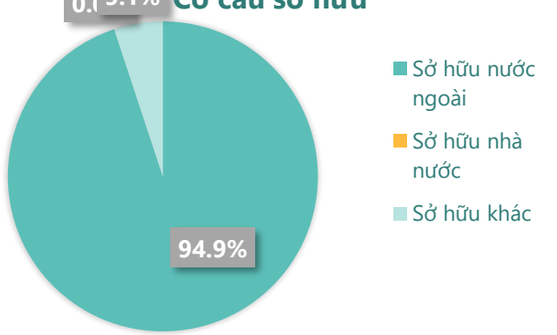
ROE (TTM)
Q1/25
8.0%
YoY: +/-▼ 0.9%

DT thuần
2024
1,506
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 0.0%

LN thuần
2024
98.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼68.3| -40.9%

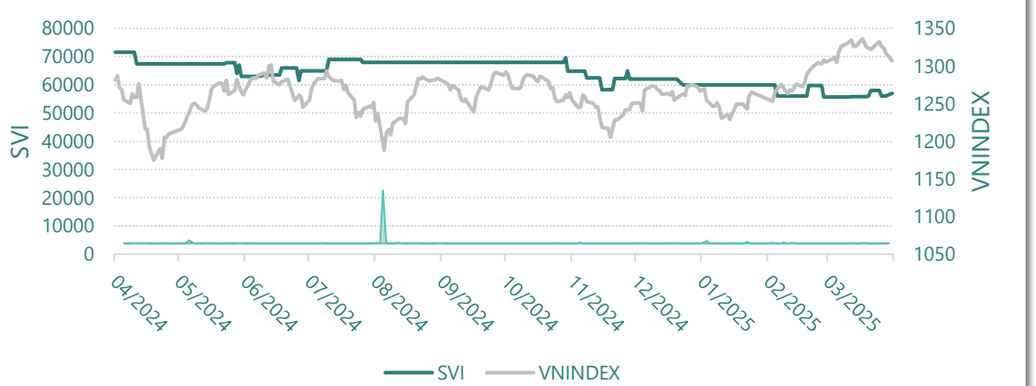
LN sau thuế
2024
75.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼56.1| -42.7%

Cơ cấu sở hữu

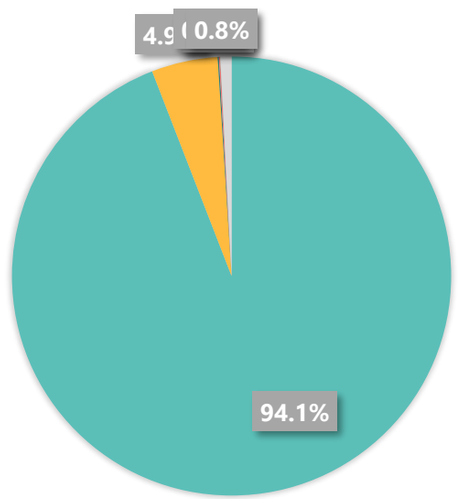


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

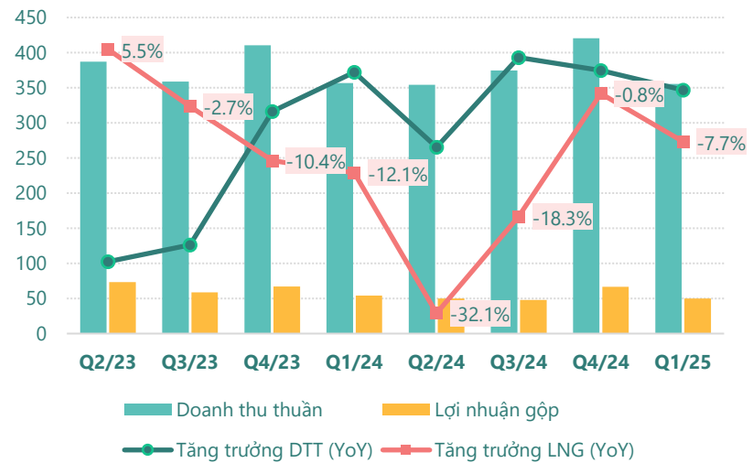


TCG Solutions Pte LTD.,
Trần Mai Anh
Đặng Ngọc Diệp (Giám đốc)
Nguyễn Thị Thu Hương
Hà Văn Sơn
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

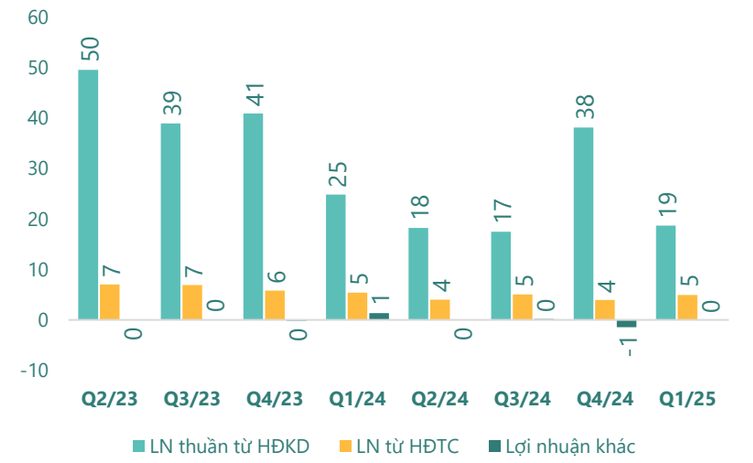
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



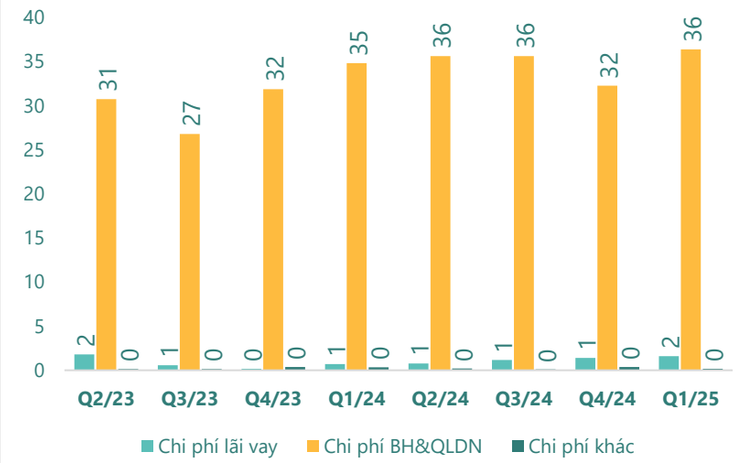
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



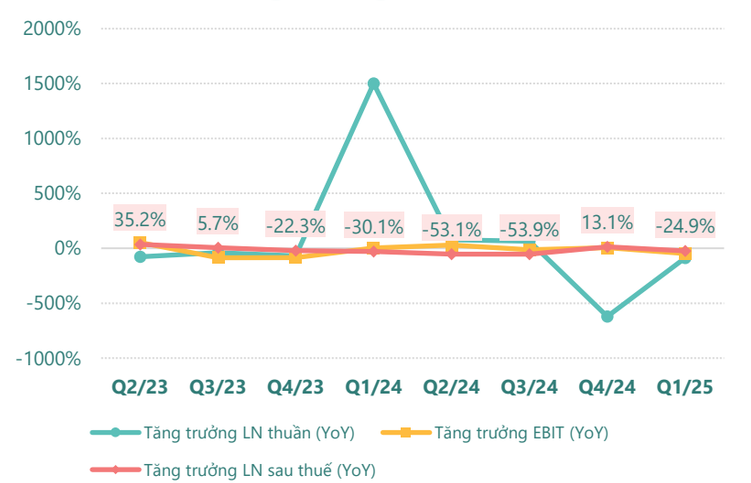
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



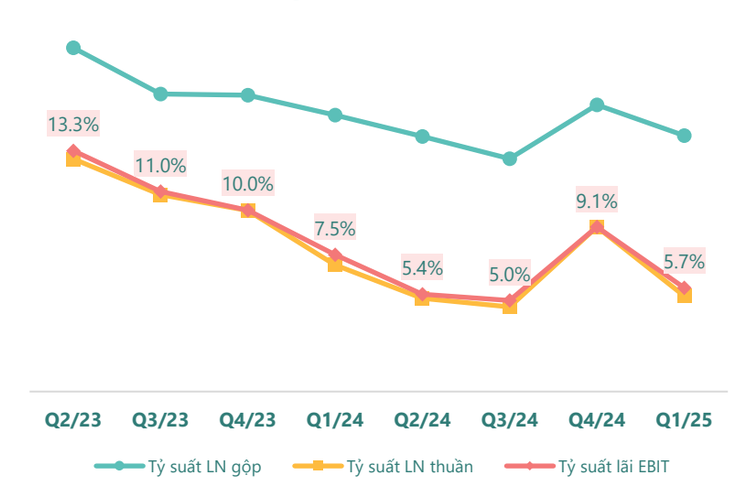
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



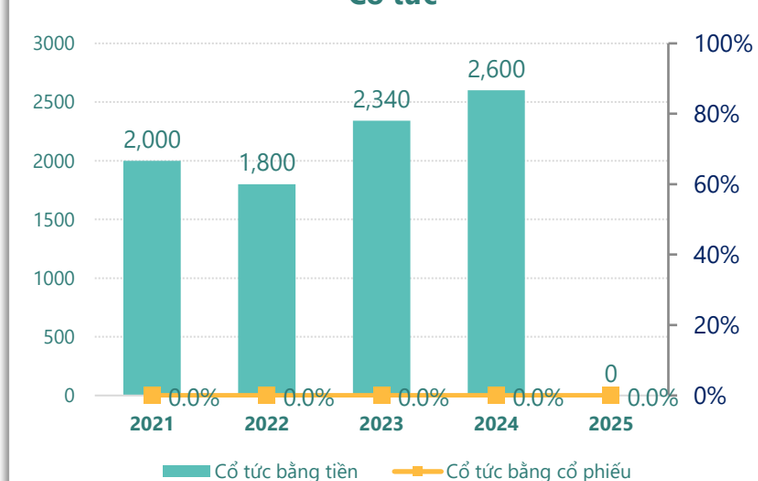
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

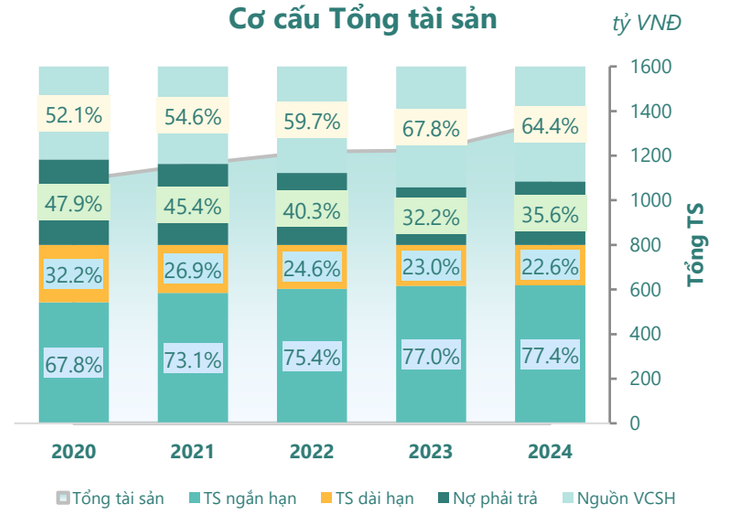
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

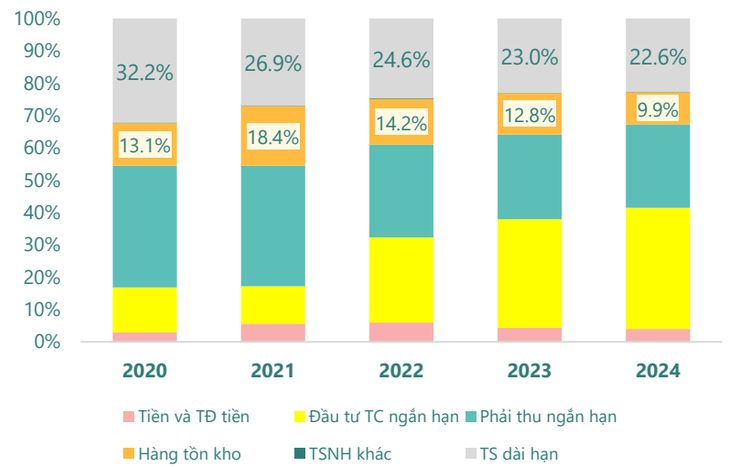
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



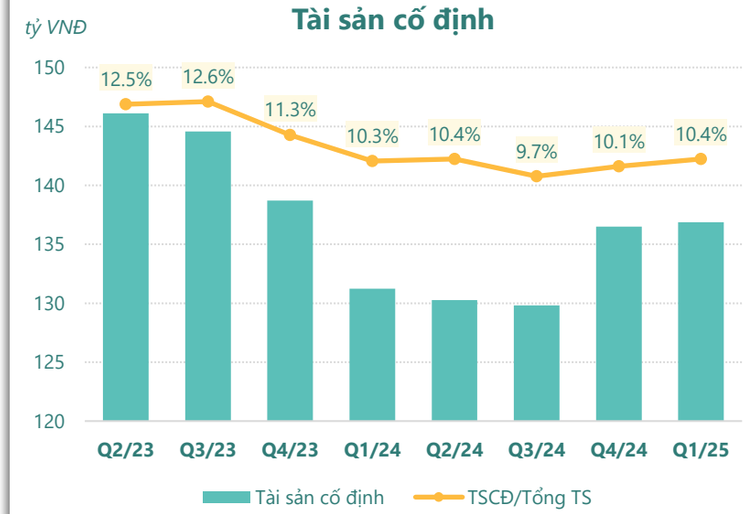
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



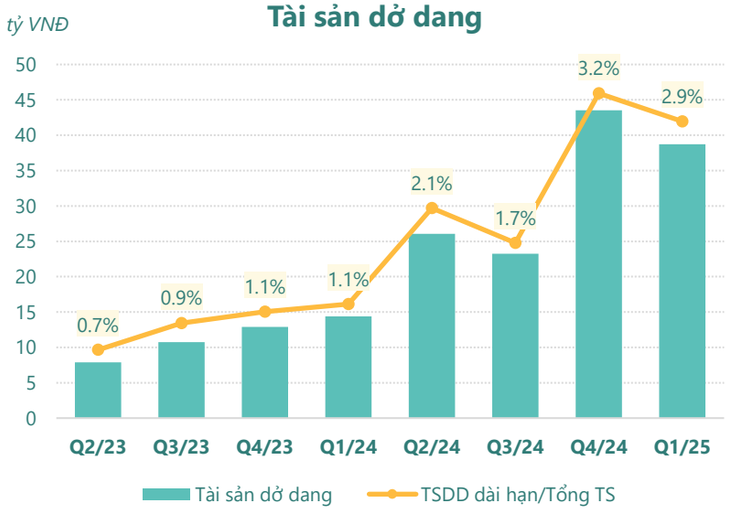
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



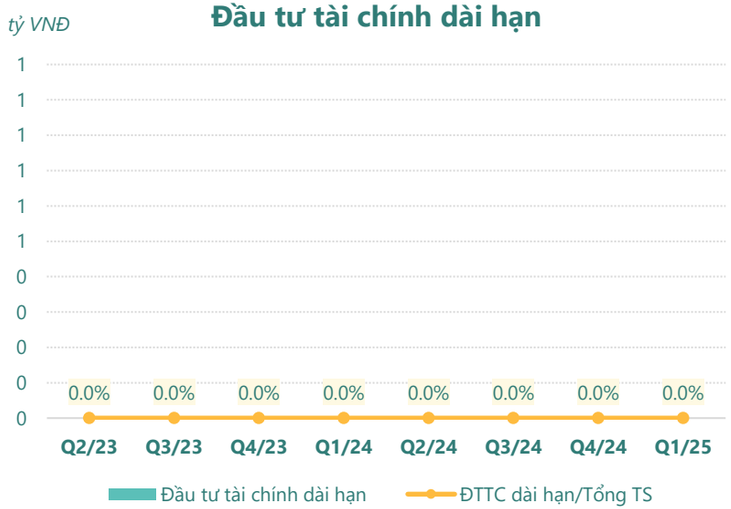
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



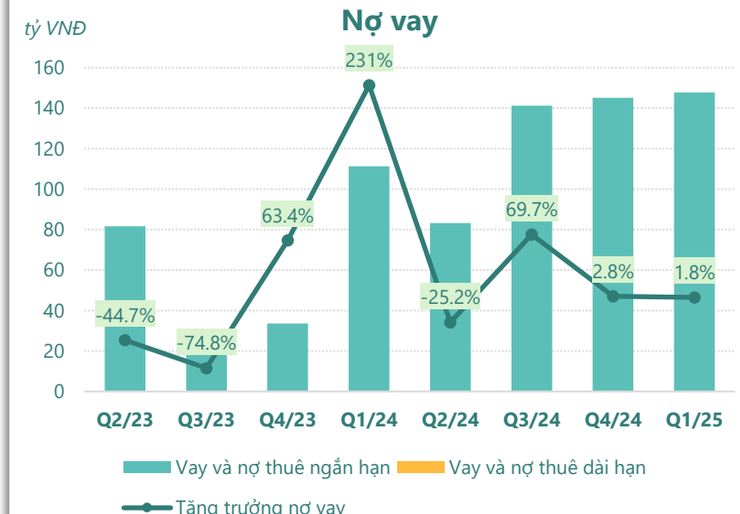
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

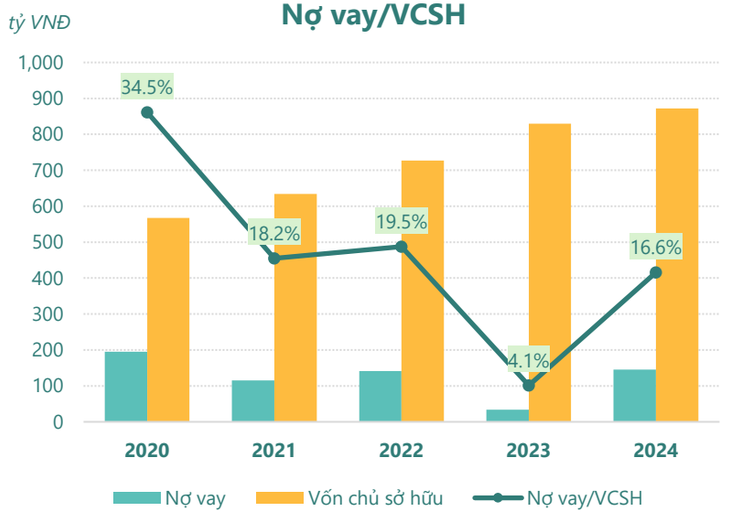
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

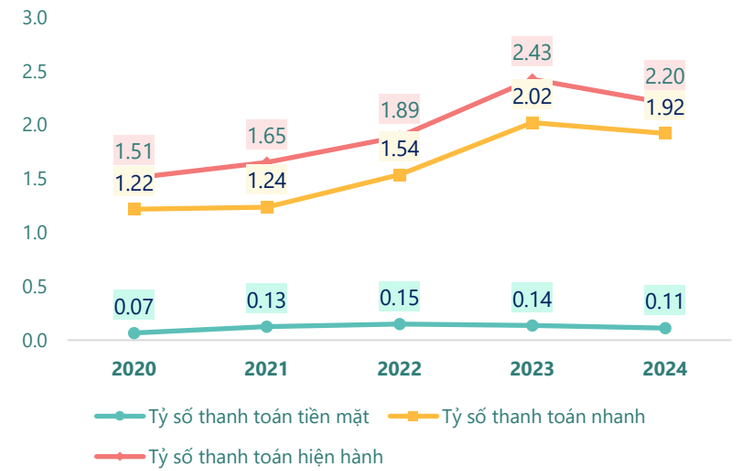
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



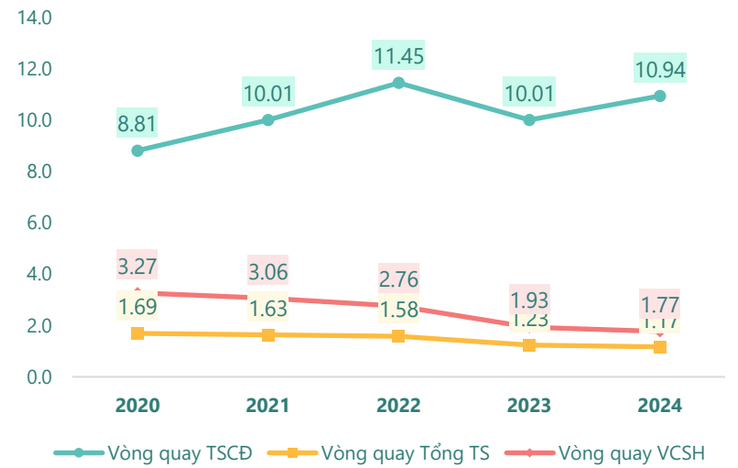
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



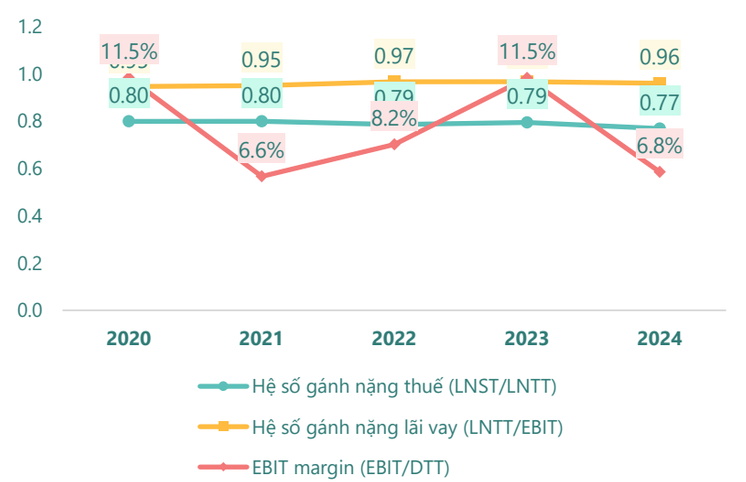
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



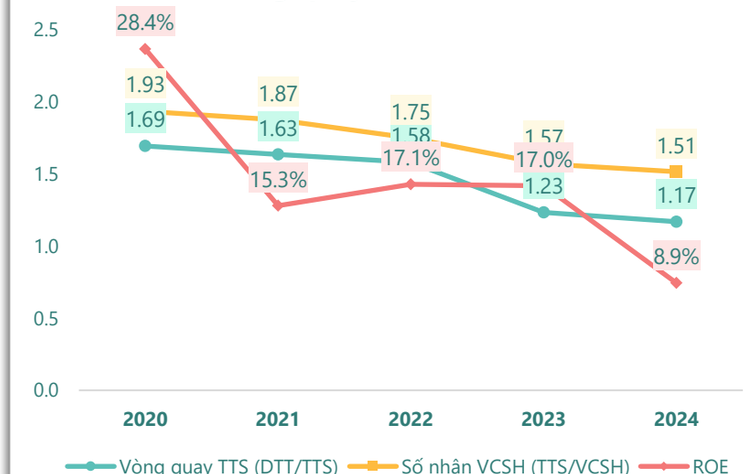
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



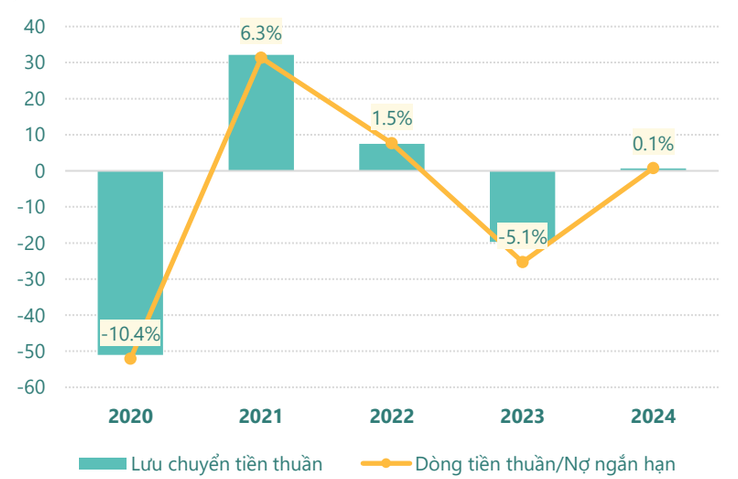
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**355**	**357**	**-0.4%**	**1,506**	**1,505**	**0.0%**
Giá vốn hàng bán	305	302	1.1%	1,287	1,244	3.4%
Lợi nhuận gộp	50.1	54.3	-7.7%	219	261	-16.2%
Doanh thu HĐTC	6.63	6.06	9.4%	23.7	30.3	-21.5%
Chi phí TC	1.70	0.65	161%	5.32	6.33	-15.9%
Chi phí lãi vay	1.60	0.72	122%	4.04	5.76	-29.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	25.6	23.6	8.5%	95.8	72.0	33.0%
Chi phí QLDN	**10.8**	**11.2**	**-3.7%**	**42.5**	**45.8**	**-7.1%**
LN thuần từ HĐKD	18.7	24.9	-24.9%	98.7	167	-40.9%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**1.32**	**-98.8%**	**0.06**	**-0.40**	**115%**
LN trước thuế	18.7	26.2	-28.6%	98.8	167	-40.7%
Lợi nhuận sau thuế	**14.8**	**21.0**	**-29.6%**	**75.9**	**132**	**-42.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.8**	**21.0**	**-29.6%**	**75.9**	**132**	**-42.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.6	6.10	32.3	-7.16	17.9	19.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-73.2	-97.5	32.6	-47.7	-14.2	-13.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	13.0	77.6	-61.4	58.0	3.91	2.56
Tiền đầu kỳ	65.4	53.0	39.2	43.0	45.9	53.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-12.6**	**-13.8**	**3.57**	**3.12**	**7.58**	**8.89**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.15	0	0.19	-0.19	0.19	0
Tiền cuối kỳ	53.0	39.2	43.0	45.9	53.6	62.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,319**	**1,354**	**-2.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,018	1,047	-2.8%
Tiền và tương đương tiền	62.7	53.8	16.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	521	507	2.8%
Phải thu ngắn hạn	320	350	-8.6%
Hàng tồn kho	110	134	-17.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.25	2.56	66.3%
Tài sản dài hạn	**301**	**306**	**-1.8%**
Phải thu dài hạn	0.10	0.10	0.0%
Tài sản cố định	137	136	0.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	38.7	43.5	-11.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**125**	**126**	**-0.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	432	481	-10.3%
Nợ ngắn hạn	**425**	**475**	**-10.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	148	145	1.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	243	282	-13.7%
Nợ dài hạn	6.14	6.15	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**887**	**872**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**887**	**872**	**1.7%**
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)